

PHẨM NIẾT BÀN THỨ HAI MƯỜI LĂM

Hỏi:” Vì sao tiếp theo phẩm Tứ đế là phẩm Phá Niết-bàn? “

Đáp:” Vì hai thừa Đại, Tiểu đều có bốn đế, một đế. Tiểu thừa nói bốn tông hữu lượng, đồng qui một đế. Đại thừa nói bốn vô lượng, cũng qui tông về một Diệt đế.

Sở dĩ Đại, Tiểu thừa đều quy tông về một Diệt là vì ba đế đều là hữu vi, chỉ một Diệt đế này là vô vi thường trú. Hơn nữa, vì Diệt đế này là quả cùng cực vô dư rốt ráo, cho nên ba đế đồng qui một cùng cực này, nên trước phá bốn đế, nay, quán Niết-bàn. Lại, do bảm thọ giáo của Tứ đế, phát sinh thắng giải, nhờ dứt trừ phiền não, nên chứng đắc Niết-bàn, đó là lí do trước quán Tứ đế, sau quán Niết-bàn.

Vả lại, người Luận Thành Thật nói:” Bốn đế bình đẳng tức là Niết-bàn. “

Kinh Đại Phẩm có nói nhiều về thuyết này, nên phẩm trên, là nói Tứ đế “không”, tức cho rằng “không” là Niết-bàn. Cho nên, phẩm này sẽ nói về bốn quan điểm đều không phải Niết-bàn, đâu được lấy “không” làm Niết-bàn ư? “

Hỏi:” Vì sao phẩm hai mươi lăm sau cùng là phá Niết-bàn ư? ”

Đáp:” Vì người ngoài cho rằng:” Niết-bàn là ngôi nhà xưa an thân, nơi phàm, thánh đồng qui nên Luận sư Tăng Triệu nói:” Chín dòng chảy giao qui ở đây. Quần thánh đều thâm tụ hội nơi đây.” Các kinh Phương Đẳng cũng nói nhiều về pháp này, nên kinh Pháp Hoa nói:” Tướng thường vắng lặng của Niết-bàn cứu canh, chung qui là về “không”. “Chính vì lẽ đó, nên sau cùng, là luận về Niết-bàn.

Hai là, luận về đại ý xuất thế của Phật, là vì muốn cho chúng sinh từ bỏ sinh tử được Đại Niết-bàn.”

“Nếu vậy, thì phải có sinh tử để bỏ; có Niết-bàn để được”, lý này không khác. Vì quyết định có, nên luận sau cùng.

Ba là, vì người ngoài cho rằng:” Long Thọ xuất thế, soạn luận, phá bệnh, chỉ bày tông chỉ lớn của kinh, cũng nhằm cứu giúp chúng sinh thoát khổ sinh tử, được vui Niết-bàn. Nếu không vì thoát khổ sanh tử, khiến được Niết-bàn, thì việc gì luận chủ phải phá bệnh, trình bày Phật giáo ư? Nên biết được mục đích soạn luận của luận chủ, chung qui là chứng đắc Niết-bàn, nên luận sau cùng.

Kinh Tứ Y nói: “Tại Long Lâm, sau cùng Phật nói kinh Niết-bàn, cho nên, luận chủ luận sau cùng.

Giải thích Niết-bàn, không đồng: Bảy vị giáo chủ ngoại đạo, hai

thuyết của Tiểu thừa và bốn chấp của Phương Đẳng.

Bảy vị giáo chủ ngoại đạo:

1/ Chấp Niết-bàn chẳng khác với không có phiền não.

2/ Chấp Niết-bàn là không có nhân phiền não.

3/ Lập Niết-bàn là không có quả phiền não.

4/ Nói rõ ràng không có cho nào gọi là Niết-bàn. Như thế, là phẩm

Phá thường của Trăm luận nói.

Tiếp theo, Bà-la-môn Chiên-Đề chấp thân này tức là Niết-bàn, không cần diệt nữa. Đây là nói cội Dục là Niết-bàn.

A-la-hán chấp vô tướng là Niết-bàn. Đây là chấp cội Sắc là Niết-bàn.

Uất-Đầu-lam Phát chấp Phi tướng là Niết-bàn, đây là chấp cội Vô sắc là Niết-bàn.

Ba ngoại đạo này lấy ba hữu làm Niết-bàn, hợp với trước là bảy thứ.

Hai sư Tiểu thừa:

- Tỳ-đàm, chấp Niết-bàn vô vi là thường, là thiện, vốn tự có ở ngoài phiền não. Về sau, dứt trừ phiền não, khởi sự chứng đắc, chứng đắc rồi, thuộc về hành giả.

Thành thật, nói Niết-bàn chỉ là pháp không, chẳng phải thuộc về ba tánh, từ nhân thiện được nghĩa, nói là thiện.

Đại thừa có bốn hạng:

1/ Nói về tánh của Niết-bàn là pháp thế đế. Vì sao?—Vì đào luyện Tiểu trí, sau cùng thành Đại giác. Phiền lụy đều vắng, các đức đều tròn, nên Niết-bàn được gọi là pháp “hữu”. “

2/ Giải thích rằng:” Lấy “không” làm Niết-bàn, tức là thật tướng, thật tướng, gọi Đệ nhất nghĩa đế.”

3/ Giải thích:” Niết-bàn không phải chân, không phải tục. Thế đế là cái “có” thô; chân đế là cái “không” mầu nhiệm. Niết-bàn khác với cái có thô kia; cũng không đồng với cái không mầu nhiệm, nên vượt ngoài hai đế.”

4/ Giải thích:” Bốn quan điểm nội tại, đều không phải cùng cực, vượt ngoài bốn quan điểm mới là Niết-bàn.

Nhưng bốn sư không đồng với Đại thừa, nói hai hạng:

Người thành thật nói hai thứ Niết-bàn: Bản, hữu và tử hữu.

Sự Thập địa nói về Tánh Tịnh, phương tiện tịnh. Phương tiện tịnh do tu nhân mà được, còn tánh tịnh thì thường có xưa nay. Nhưng phương tiện tịnh cũng là tên khác của “tử hữu”, còn tánh tịnh là tên gọi khác

của “Bản hữu”.

Luận Nhiếp Đại thừa nói: “Có bốn thứ Niết-bàn:

- Bản tánh vắng lặng.

- “Hữu dư”.

- Vô dư.

- Vô trụ xứ.

Giải thích về vô trụ xứ có hai:

Theo phẩm Ba Thân: Pháp thân không trụ sinh tử; Ứng, Hoá thân không trụ Niết-bàn.

Dùng hai vô ngã, lý ba vô tánh và vô sở trụ xứ làm vô trụ xứ.

Lại nữa, bốn luận sư này đồng giải thích: “Niết-bàn đủ cả ba đức: Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát.

Sở dĩ lập ba đức làm Niết-bàn, là vì tóm tắt có bốn nghĩa:

1/ Sinh tử đối với Niết-bàn. Sinh tử có ở ba chương, đó là phiền não, nghiệp, khổ. Vì đối với báo chương nên nói về Pháp thân; vì đối với nghiệp chương, nên nói về giải thoát; vì đối với phiền não chương, nên nói Bát-nhã.

2/ Muốn hiển bày ba nghiệp tự tại của Như lai: Vì có Pháp thân, nên thân nghiệp tự tại; vì có Bát-nhã, nên khẩu nghiệp tự tại và vì có giải thoát, nên ý nghiệp tự tại, cụ thể như phẩm Niết-bàn Tứ Tướng đã nói.

3/ Dù đức vô cùng, nhưng với ba nghĩa sau đây sẽ tóm tắt đủ: không có cảnh, không soi, gọi là Bát nhã; không có cảm, không ứng, gọi là Pháp thân và không có phiền não buộc ràng bất tận thì gọi là giải thoát.

4/ Vì đối với Nhị thừa, ba đức không tròn; vì còn có thân, trí thì “thời giải thoát” chưa đủ. Nếu giải thoát đủ, thì sẽ không có thân, trí nữa, nên nói ba đức của Như lai viên mãn.”

*Hỏi: “Vì sao phẩm này phá Niết-bàn?”

*Đáp: “Nói sơ lược bốn nghĩa:

1/ Người mê “hoặc” vì chấp phi Niết-bàn là Niết-bàn, nên cần phải phá chấp đó.— Vì sao? Vì Niết-bàn không như cái là kẻ mê lầm nói là các thứ tìm tòi, bài xích, chấp ngang trái Niết-bàn, do đó, cần phải đả phá lối chấp ấy.

2/ Người mê “hoặc” chấp Niết-bàn là phi Niết-bàn. Vì sao? – Vì sinh tử vốn là Niết-bàn, mà cho rằng sinh, tử không phải là Niết-bàn, nên cần phải phá chấp đó. Vì thế, nên văn dưới sẽ nói: “Mé Thật của sinh tử, và mé Niết-bàn, hai mé như vậy, không có mảy may khác

nhau.”

Kinh Hoa Nghiêm chép rằng:” Sinh tử không phải ồn náo; Niết-bàn không phải vắng lặng.

3/ Dù có trong, ngoài, Đại, Tiểu bất đồng, nhưng đồng nói là có Niết-bàn. Nếu vậy, thì sẽ thành chấp “có”, tức là sinh tử, không gọi Niết-bàn. Vì thế, nên đối với người có đối tượng chứng đắc, hoặc sinh tử, hoặc Niết-bàn, đều là sinh tử. Nay, đã tìm kiếm sinh tử, Niết-bàn này không thể được, mà gượng gọi là Niết-bàn.

Vả lại, hễ nói “có” sinh tử thì bị sinh tử trói buộc; chấp “có” Niết-bàn, thì bị buộc ràng bởi Niết-bàn, mà Niết-bàn được gọi là giải thoát, đã là ràng buộc, thì sao gọi Niết-bàn? Nay, phẩm này đã tìm sinh tử, Niết-bàn không thể được. Phải cởi bỏ hai trói buộc, gọi là giải thoát mới là Niết-bàn.

4/ Muốn giải thích nghĩa Niết-bàn mà các kinh luận Đại thừa đã nói, như kinh Đại phẩm chép:”Nếu có pháp nào vượt qua Niết-bàn, thì pháp ấy cũng như trò ảo thuật, chiêm bao. Vì sao? – Vì các pháp không hề sinh tử, cũng không phải Niết-bàn, chỉ vì chúng sinh, giả dối không thật, nên thành sinh tử; vì dừng sinh tử nên gượng nói Niết-bàn. Nếu sinh tử đã được dứt trừ thì Niết-bàn cũng dứt, nên Hoa Nghiêm rằng:” Sinh tử và Niết-bàn, cả hai đều là không thể được, vì là pháp không thể chỉ bày, bởi trạng mạo ngôn từ đều vắng lặng.”

- Phẩm này được chia thành ba chương:

1/ Luận về Niết-bàn.

2/ Luận về sinh tử.

3/ Tổng kết.

- Chương đầu được chia làm hai:

1/ Luận về chứng Niết-bàn chánh và tà.

2/ Luận về người, chủ thể chứng Niết-bàn chánh và tà.

- Phần A lại chia làm hai:

1/ Lược phá tà Niết-bàn, trình bày chánh Niết-bàn.

2/ Phá rộng tà Niết-bàn, trình bày chánh Niết-bàn.

Sở dĩ chia ra hai chương này là vì các kinh Phương Đẳng phần nhiều đều nói Niết-bàn dứt bật trăm phi về phương tiện không gian; vượt qua bốn quan điểm về mặt thời gian, không có phiền lụy nào không vắng lặng, các đức đều viên mãn.

Phần đầu, lược phá tà Niết-bàn, trình bày chánh Niết-bàn, là nói dứt hẳn trăm phi về mặt không gian.

Kế là phá rộng tà Niết-bàn, nói chánh Niết-bàn về thời gian, vượt

qua bốn quan điểm.

- Môn đầu được phân làm hai:

1/ Tất bác bỏ tà Niết-bàn.

2/ Tóm tắt trình bày chánh Niết-bàn.

- Phần A được chia làm hai:

1) Dựa vào người ngoài, phá “không” phi Niết-bàn.

2) Y cứ ở luận chủ chỉ bày rõ ràng “hữu” không phải Niết-bàn.

Sở dĩ phá hai loại này là vì “không”, “hữu” là gốc rễ của các kiến; lại vừa là gốc chướng ngại Đạo, lại là đối tượng chấp của Đại, Tiểu thừa: Người Đại thừa phần nhiều chấp “không”, người Tiểu thừa đa số chấp “hữu” rất thịnh hành ở đời.

Nửa trên của kệ đầu, là nhắc lại nghĩa “không”, nửa kệ dưới, chính là phá “không”:

Nếu tất cả pháp “không”, thì sẽ không có phiền não sinh ra, nên không có đối tượng dứt trừ, tức là không có Hữu dư. Nếu tất cả pháp không thì sẽ không có năm ấm sinh, vậy diệt cái gì?, nên gọi là vô dư. Lời vấn nạn này chung cho cả người Đại, Tiểu thừa:

Tiểu thừa dứt bốn trụ “hoặc”, diệt thân phần đoạn, gọi là hai Niết-bàn. Đại thừa dứt năm trụ, “hoặc” diệt hai sinh tử, gọi là Đại Niết-bàn.

Nay, đã nói, không có sinh, không có diệt, tất nhiên, sẽ không có hai thứ Niết-bàn của Đại, Tiểu thừa này, vì đây là tà kiến.

Hỏi:” Phẩm trên đã nói:” Tất cả không có sinh, diệt, vì sao nay lại hỏi nữa?”

Đáp:” Bởi nghĩa rốt ráo “không” rất khó hiểu, khó nhập, vì việc soạn luận sắp xong, nên thường luận. Như sau kinh Đại Phẩm, pho sách đã bỏ, Phật nói Bát nhã sắp xong, Thiện Cát Tần hỏi:

“Nếu các pháp rốt ráo “không” thì sao lại có sáu đường? Nếu các pháp rốt ráo “không” thì sao có ba thừa, hiện nay, cũng thế?”

Đáp:” ... trở xuống, là phần thứ hai, y cứ ở luận chủ phá “hữu” không phải Niết-bàn.

Nửa kệ trên, là nhắc lại “hữu”, nửa kệ dưới phá “hữu”:

“Nếu như vậy, nội, ngoại Đại, Tiểu thừa vừa có một mảy may pháp, tức là tánh nhất định, thì không thể đoạn diệt, nên cũng không có hai Niết-bàn.”

Văn xuôi chép rằng:” Cái gọi là Niết-bàn, nghĩa là phát ra ... trở xuống, là chỉ bày tóm tắt nhánh Niết-bàn. Nhưng, trước kia, đã bác bỏ tà, cũng chính là trình bày chánh. Do phá hai kiến chấp “có”, “không”,

nên được thoát khỏi hai kiến, tức là giải thoát, gọi là Niết-bàn. Nay, trình bày chánh Niết-bàn, cũng là phá tà Niết-bàn. Vì sao?—Bởi vì chánh Niết-bàn đã trở thành tà Niết-bàn, tức là phá. Như các kinh Phương Đẳng nói thẳng về nghĩa không có đối tượng chứng đắc của nhân duyên, mà có đối tượng chứng đắc, tức là liên phá. Vả lại, trên là dựa vào duyên giả để phá, chính là đã tìm Niết-bàn “có”, “không” đều “không” thành. Nay, là đối với duyên giả để phá, trình bày chánh Niết-bàn đối lập phá tà thuyết. Ở tà đã loại bỏ, chánh cũng không giữ lại. Hơn nữa, trước kia, vì bác bỏ “có” Niết-bàn, nên nói là “không”, tức không có cái ông thấy. Nay, phá cái “không” của ông, nên nói “có”, đều là đối với duyên giả để phá.

Không có được, cũng không có đến, nghĩa là y cứ nghĩa Tiểu thừa, thì quả hữu vi gọi là “được” (chứng đắc), quả vô vi, gọi “đến”. Điều nối tiếp nhau, là “đoạn”; không đời đời, gọi “thường”. Các hành bắt đầu khởi là sinh; các hành sau cùng là diệt. Nay, đều không đúng, nên nói rằng:” Không có “được”, không “đến”, cho đến không sinh, không diệt.

Nếu phá người Đại thừa, thì Như lai là người của chủ thể được; ba đức Niết-bàn là pháp của đối tượng chứng đắc; nhân Đạo đế của tâm Kim cương là chủ thể đến; quả Phật là đối tượng đến. Năm trụ “hoặc” dứt là “đoạn”; quả thường, lạc là “thường”; tâm trước của hai tử hết là “Diệt” và quả Phật khởi là sinh. Vì Niết-bàn đều không như thế, nên nói rằng:” Không có được, không có đến v.v....”

Niết-bàn đã bật không gian “trăm phi”, đáng lẽ cũng nói rằng chẳng phải hữu dư; chẳng phải vô dư; không phải tánh tịnh; không phải bất bản tịnh, không phải bản, không phải thí. Nay, chỉ không phải sáu thứ này phá bệnh được khắp, mà so sánh như tám bất.

Lại nữa, “Kinh nói:” Niết-bàn ... trở xuống, là phá rộng tà Niết-bàn, trình bày chánh Niết-bàn.

Ở trước, Văn xuôi phát khởi, tức dẫn kinh làm môn chương. Kệ dưới đây, sẽ giải thích kinh, tức giải thích về môn chương.

Sở dĩ dẫn kinh, là vì tất cả người ngoài đều không tin lời nói của luận chủ, có đủ hai ý:

1/ Nói Niết-bàn dứt bật bốn quan điểm, tức là phá bốn quan điểm của tà Niết-bàn, trình bày dứt bốn quan điểm của chánh Niết-bàn.

Diệt bên trong: Dựa vào Kinh Lăng-già nói:” Thật ra không có bốn cảnh “có”, “không” ở bên ngoài để diệt, mà chỉ do nội tâm khởi lên bốn quan điểm, mới thấy cảnh ngoài có bốn mà thôi.

Nay, thôi dứt bốn kiến của nội tâm, tức là Niết-bàn, nên gọi diệt trong. Văn kệ có hai ý:

1) Đối với lược phá tà Niết-bàn ở trước, nay, nói phá rộng tà Niết-bàn.

2) Đối với lược trình bày chánh Niết-bàn trước kia, nay trình bày rộng chánh Niết-bàn.

Nay, với hai môn này, thường cổ hai nghĩa:

Trong phá tà, tức trình bày chánh.

Trong trình bày chánh, tức phá tà.

Không có riêng văn trình bày chánh, vì sao?—Vì luận này phá có hai môn:

Môn phá khác hẳn.

Môn phá tà tức trình bày chánh.

Trong môn trình bày chánh cũng có hai môn:

Môn trình bày khác hẳn.

Trình bày chánh, tức môn phá tà.

Trên đây, phần nhiều căn cứ môn phá khác hẳn và trình bày. Phẩm này kèm thêm môn phá trình bày. Nếu có ai không tin ở ý của môn này, thì hãy thử tìm xét văn, sẽ tự thấy rõ.

Sở dĩ phá bốn quan điểm là vì ở trên đã phân tích dứt bật không gian về “trăm phi”, nay, nói vượt thời gian về bốn quan điểm, thì ra đối với phá đã lược trình bày hết. Phá bốn quan điểm, lẽ ra là bốn biệt. Nay, lấy sự giống nhau để so sánh, chia làm ba chương:

I. Bảy kệ đầu, phá “có”, “không” là Niết-bàn.

II. Bốn kệ thứ hai, là bác bỏ “vừa có”, “vừa không” là Niết-bàn.

III. Hai kệ thứ ba, phá “chẳng phải có”, “chẳng phải không” là Niết-bàn.

- Bảy kệ đầu được chia làm hai:

A. Năm kệ trước, phá riêng “có”, “không” là Niết-bàn.

B. Hai bài kệ thứ hai, kết hợp phá “có”, “không” là Niết-bàn.

Năm kệ được chia làm hai:

Ba kệ đầu, phá “có” là Niết-bàn.

Hai kệ tiếp theo, bác bỏ “không” là Niết-bàn.

Ba kệ tức là ba khác nhau:

Kệ thứ nhất, tạo ra tướng mạo già, chết để phá.

Kệ thứ hai, tạo ra hữu vi để phá.

Kệ thứ ba, tạo ra có thọ lãnh để phá.

Tạo ra tướng mạo già, chết để phá: Nếu phá ngoại đạo, thì đây là

phá Niết-bàn của ba hữu.

Ba luận sư như trên: Đàn Đề muốn Niết-bàn hữu vi, cho đến chấp Phi tướng, lấy hữu vi vô sắc làm Niết-bàn. Niết-bàn đã là ba hữu, tức là già chết. Nếu phá nghĩa có đối tượng chứng đắc của pháp nội, thì phải nói “có” Niết-bàn, tức là nghĩa có chứng đắc, nghĩa “có” chứng đắc tức là hai mươi lăm “hữu”, nên “có” già tử. Nếu phá sư Địa luận cũng “thô”, có thể là “có”; “diệt”, có thể chẳng phải có (phi hữu).

Lại nữa, nếu “có” mà không phải già chết thì lẽ ra già chết mà chẳng phải có. Nếu già chết phải “có”, thì cũng phải có già chết. Lại, quả Phật có “sinh”, có “sinh”, thì có diệt, tức là có già chết. Nếu người kia nói: “Quả Phật sinh là “thường” sinh, không phải sinh trong ba tướng, lẽ ra cũng “thường” già, không phải già trong ba tướng. Nếu nói già là pháp suy nhược, tàn tạ, nên không có già, thì lẽ ra cũng “sinh” là pháp khởi động, tức là không có sinh. Nếu nói thường sinh chẳng khởi động, thì lẽ ra cũng thường già không phải suy yếu, tàn tạ.”

Tiếp theo, sư Địa luận nói: “Niết-bàn tánh tịnh của “ngã”, xưa nay thường nhất định, không khởi, không diệt, nên không có lỗi trên.”

Hỏi: “Đã không khởi, diệt, thì có ẩn, hiển hay không?”

Đáp: “Có ẩn, hiển.”

Hỏi: “Niết-bàn tánh tịnh của “ngã” kia đã không sinh lẽ ra cũng không hiển lộ. Nếu nhận lấy không có “hoặc” vọng làm hiển bày, thì cũng nhận lấy không có “hoặc” vọng làm “sinh”. Nếu sinh, luận về thể, thì “sinh” cũng hiển bày, luận về thể hiển bày. Đã là nghĩa có đối tượng chứng đắc, giả sử có lời nói thông suốt, mà về lý, giáo, cuối cùng chịu khuất phục.”

Hỏi: “Trong đây chỉ phá khác xa, “hữu” là Niết-bàn. Vậy ở chỗ nào nói bày chánh Niết-bàn không phải là “hữu” ư?”

Đáp: “Phải hiểu tường tận, văn kệ, kệ rằng:

“Niết-bàn không gọi “hữu”.”

Văn kệ này tức là kèm theo bày tỏ chánh mà phá tà. Ý của Văn xuôi cũng vậy.

Kệ thứ hai, phá hữu vi. Nghĩa là phá nghĩa của ngoại đạo đã là ba hữu, tức là hữu vi. Phá nghĩa nội: Nếu chấp Niết-bàn là “hữu”, thì có đắc” (có đối tượng chứng đắc). Vì có đối tượng chứng đắc nên không là hữu vi. Luận Trí độ quyển 31 nói: “Có người xả bỏ hữu vi, mà chấp vô vi, vì chấp vô vi, tức thành hữu vi. Quyển 55 nói: “Vô vi của ông từ đâu mà được? Nếu nhân hữu vi mà được vô vi, thì cũng nhân vô vi mà được hữu vi. Nếu như vậy, thì hai thứ này nhân nhau, tức lại vì nhau,

nên đều là hữu vi.”

“Nếu bác bỏ nghĩa “thường”, nghĩa là đã gọi “diệu hữu”, thì lẽ ra là “diệu vi”. Nếu vì “diệu” nên không phải vi, thì cũng vì “diệu” nên chẳng phải “hữu”?”. Người kia nói:

“Hữu” là thể của pháp; “vi” tức là “tướng”. Quả vị Phật là cái “có” của thể pháp. Vì đã là tướng sinh, diệt, nên chẳng phải là “vi”, đều nói rằng:” Nếu Niết-bàn vì là tướng, nên không phải “vi”, thì Niết-bàn lẽ ra cũng vì là “thị”, nên không phải “sinh”. Nếu vì mới khởi, nên gọi “sinh” thì cũng bắt đầu khởi nên gọi “vi”. Lại đều nói:” Nếu “hữu” mà không phải “vi” thì cũng “vi” mà không phải “hữu”.

Văn xuôi chép rằng:” Lấy lý để tìm tòi, dùng pháp vô thường còn không có, nghĩa là hiện tại vô thường, tìm kiếm còn không có dấu vết, hướng chi thường là cái không hề thấy mà là “có” ư? Phải biết rằng, chính là phá nghĩa “thường” có đối tượng chứng đắc, người xưa không nên ngạc nhiên, nay vẫn nạn.

Kệ thứ ba, là phá “có” thọ.

“Nếu Niết-bàn là “hữu”, thì là thọ “có”, thọ là gốc rễ của phiền não, sao gọi Niết-bàn?”

Hỏi:” Niết-bàn là “có”, sao gọi “thọ”? “

Đáp:” Nếu ông tạo ra “có” hiểu, tức “thọ” chấp “có”; nếu không tạo “có” hiểu thì không nên nói “có” là Niết-bàn, chỉ có hai nghĩa này.

Nửa kệ dưới, là nói không có thứ ba. “không” thứ ba, nghĩa là “không” cái “có”, không tạo ra “thọ” chấp mà là “có”, môn các thọ chấp mắc dưới đây đều nói lên ba ý này.

Kinh Đại Phẩm nói:”Bồ-tát được tam muội Vô “Thọ”. “Hành” cũng không “thọ”, cho đến “không thọ” cũng không “thọ”. Nay, ông bèn “thọ”, “có”, đây là “thọ” trong “thọ” sao nói là “không có “thọ”?”

Hỏi:” Niết-bàn “diệu hữu” của tôi vì dứt hẳn “trăm phi”, nên là không “thọ”?”

Đáp:” Dù dứt hẳn “trăm phi”, nhưng vì tâm ông vẫn còn “có” cái “có”, nên sau cùng vẫn là “thọ”.”

Hỏi rằng:” v.v... trở xuống, là sinh “không” thứ hai là Niết-bàn. Trước hỏi, tiếp theo là đáp.

Trong phần hỏi, trước, nhận lãnh có “phi”, tiếp theo, là lập không có “thị”. Nếu áp dụng theo nghĩa của hai ngoại đạo, thì ba ngoại đạo trước đồng lập “có” là Niết-bàn. Nay, một ngoại đạo lại lập “không” là Niết-bàn, nên Trăm luận nói:”Người ngoài nói rằng:” “Có” Niết-bàn

là “không”.”

Nếu căn cứ theo nghĩa nội ngoại, thì trước đã nói ngoại đạo lập ba hữu làm Niết-bàn. Nay, Tiểu thừa. Số luận của pháp nội lập tiêu diệt ba hữu làm Niết-bàn.

Nếu soạn luận Đại, Tiểu thừa thì trước kia, Tiểu thừa đã lập sự đoạn vô vi, tức là thế đế gọi là “có”. Nay lập chân không Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Niết-bàn.

Nếu nay, xưa đồng nói thì trước kia đã chấp “diệu hữu” (có mẫu nhiệm) của hiện nay, ở đây chấp dứt “không” của xưa. Lại, người ngoài nói: “” thô hữu”, “diệu hữu” đã không phải Niết-bàn; không có thô, không có diệu, lẽ ra là Niết-bàn?”

Hai kệ trong phần đáp, được chia làm hai:

1. Phá so sánh nhau.
2. Phá “hữu”, “thọ”.

Phá so sánh nhau nghĩa là “không” và “có” đều là các kiến chấp. Chấp có đã “phi”; chấp không há là “thị”?

Lại nữa, “có” là ban đầu; “không” là sau, cho nên “có” là gốc của “không”. Gốc còn là “phi” hướng chi ngọn là “thị”?

Lại, “có” “diệu hữu” này còn “phi”; “không” là cái “không” dứt đoạn của Tiểu thừa thì đâu là “thị”?

Lại, trong “có”, có phát Niết-bàn hãy còn “phi”; trong “không”, chẳng có pháp, thì làm sao là Niết-bàn?

Lại, “có” là gốc của “không”; gốc còn “không”, mà “không” là ngọn của “có”, ngọn đâu “có” ư?

Lại, nói thẳng là “có” Niết-bàn còn không thể, hướng chi dùng cái “không” để làm Niết-bàn ư?

Nửa kệ trên, mượn “có” để so sánh với “không”, tức là dùng tà phá tà.

Nửa kệ dưới, là nói Niết-bàn đều lìa “có”, “không”, tức là bày chánh, phá tà.

Kệ thứ hai, là phá “thọ” chấp lại đồng với phá trước. “thọ” chấp ở trước là “có”; “thọ” nay chấp là “không”.

Hỏi: “... trở xuống, là sanh phần thứ hai, hợp phá thì “có”, “không” là Niết-bàn:

Hỏi: “Hai quan điểm “có”, “không”, vì sao phải đủ hai thứ lý, hợp mới phá ư?”

Đáp: “Vì “có”, “không” là gốc rễ của kiến, là cội nguồn chướng ngại chánh quán, chứng bệnh này khó phá trừ, nên cần hai môn. Hơn

nữa, vì người Tiểu thừa cho rằng, không có ba hữu là Niết-bàn; ngoại hữu chấp ba đạo là Niết-bàn. Đây là tai hại không nhỏ của nội, ngoại, nên cần phải hội đủ hai môn ly, hợp.

Tiếp theo, là đáp, ý hỏi rằng: ngoại đạo chấp ba hữu không phải Niết-bàn. Pháp Phật nói tiêu diệt ba hữu, lại không phải Niết-bàn. Vậy, lia hai ý này, thế nào là Niết-bàn ư?

Lại nữa, “diệu hữu” của ngày nay; dứt không của ngày xưa đều không phải, vậy thì ngoài hai thứ này, còn chỗ nào có Niết-bàn ư?

Hơn nữa, người Đại thừa có đối tượng chứng đắc, nghe nói “có”, “không” chẳng phải Niết-bàn, bèn cho rằng, chân đế rốt suốt trừ khỉển, nên “có”, “không” đều “phi”. Nếu vậy, thế để phải “có”.

Lại, đây là người ngoài nêu vấn nạn bên trong. Nếu “có”, “không” đều “phi”, thì tức là Phương Quảng.

Lại, “có”, “không” đều không phải hành đạo, vậy, đặt tâm ở chỗ nào? Xuất gia mong cầu cái gì ư?

Lại, người ngoài nói:” Hai “thứ”, “thô hữu”, “diệu hữu” đều cùng “phi”, hai “thứ”: không có thô, không có diệu, lai “phi” thì thế nào là Niết-bàn?”

Đáp:” ... trở xuống, là hai bài kệ, được chia làm hai:

Kệ đầu, là giải thích trực tiếp.

Kệ tiếp theo, dẫn kinh chứng minh cho giải thích.

Giải thích thẳng: Giải thích về ý “có”, “không” đều phi.

“Thọ” đối với “có”, “không” của Đại, Tiểu trong, ngoài v.v... xưa nay, tức gọi sinh tử; không thọ nhận “có”, “không” v.v..., tức là Niết-bàn. Nhưng thọ sinh tử đã là sinh tử; thọ đối với Niết-bàn, Niết-bàn cũng trở thành sinh tử. Thọ vừa sinh tử, vừa Niết-bàn, cho đến năm quan điểm, đều là sinh tử. Không thọ nhận năm quan điểm này, mới là Niết-bàn.

Lại, năm quan điểm của “thọ” này đều là sinh tử; năm không thọ đều là Niết-bàn, không phải chỉ có Niết-bàn là Niết-bàn mà sinh tử cũng là Niết-bàn.

Trên, ông nói đặt để tâm ở chỗ nào? Là vì ông muốn đặt để tâm ở chỗ “có”, “không” bèn không phải Niết-bàn, nên phải phải rửa sạch “có”, “không”. Vì đối với “có”, “không” của ông, nên nói “chẳng phải có”, “không”. Không nói không phải có, chẳng phải không là Niết-bàn. Vì thế, nay nói:

“Vừa động tâm thì sinh tử; không động là Niết-bàn. Như Hoa Nghiêm nói:” Lưu chuyển thì sinh tử; không lưu chuyển, tức Niết-bàn,

chỉ đối với chuyển là “phi” nói không chuyển là “thị”, nhưng hiểu rõ chuyển đã “phi”; không chuyển cũng “phi”, nên chẳng phải chuyển, chẳng phải không chuyển, có thể nói là tổn hại, lại tổn hại.”

Hỏi:” Vì sao tạo ra trăm, ngàn chuyển này ư?”

Đáp:” Vì phải dữ các kiến chấp của chúng sinh, “phi”, “thị” được trừ sạch. Nhưng Giảng Pháp Hoa rằng:” Tiểu thừa là Hoá thành, không biết Đại thừa cũng là Hoá thành. Vì so với Đại, nên nói Tiểu là hóa; so với chẳng phải Đại, chẳng phải Tiểu thì đều là hóa, cho đến Thập địa, và cả Ma-La, đều là Hoá thành, vì thế, nên nắm tay “không” độ tất cả.”

Kệ thứ hai, dẫn kinh làm chứng để phá.

Hỏi:” Vì sao phẩm này thường dẫn kinh?”

Đáp:” Vì nay muốn luận Đạo, lời nói này không dễ dàng. Lại, Niết-bàn là gốc quy thú của các Thánh. Nếu nghĩa này chánh thì mọi nghĩa tự sáng tỏ, nên phải dựa vào kinh. Hơn nữa, biện luận sắp xong, nói không có lỗi tự sáng tác. Bắt đầu từ tám bát, sau cùng là Niết-bàn đều do Phật nói.

Sở dĩ không nêu riêng các kinh như Bát nhã, Niết-bàn v.v... mà nương tựa chung vào kinh là vì tất cả kinh Đại thừa đều hiển bày đạo không có hai, nên không cần phải dẫn riêng. Nếu dẫn riêng thì e rằng ý các kinh không đồng, giả dụ cho là ý kinh Tiểu thừa chung qui cũng đồng với thuyết này, như các thừa đồng qui về nhất thừa. Nói hoặc “có”, hoặc “không” đều bị gián đoạn, cho nên biết rằng, Niết-bàn sở đắc là sinh tử không có sở đắc; Phật có sở đắc là chúng sinh tội lỗi không có sở đắc. Tuy nhiên, đã dứt “có”, dứt chẳng phải “có”, nghĩa là cũng dứt vọng, không vọng, dứt thường, vô thường, muôn nghĩa đều so sánh.

* Hỏi rằng:” v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá “vừa có”, “vừa không có” là Niết-bàn. Trước hỏi, tiếp theo đáp. Phần hỏi có hai:

Lãnh thọ “không” ở trước.

Lập cái “có” sau.

Trang Nghiêm nói rằng:” Niết-bàn nay, xưa khác nhau: Xưa, là dứt “không” nay là “diệu hữu”.”

Nay, sẽ nói kỹ về nghĩa này: Niết-bàn này và xưa chỉ là hai chấp “có”, “không”. Xưa, tiểu Niết-bàn là “không”; gọi là kiến “không”; Niết-bàn ngày nay là “có”, tức là chấp “có”; chấp “có” “tức thường”; chấp “không” là “đoạn”. “Có”, “không”, “đoạn”, “thường”, chính là sinh tử, há là Niết-bàn ư?”

Lại nói:” Ba đức viên mãn, gọi là Niết-bàn, cũng là “có”, “không”

hợp chung, gọi là Niết-bàn.”

Khai Thiện nói:” Niết-bàn nay, xưa chỉ là một quan điểm. Căn cứ vào thể, dụng của Niết-bàn để nói về khác nhau:” Ngày xưa, chỉ biểu thị giải thoát, vô vi, chưa được nói về “thể”.

Ngày nay, mới nói nói “diệu hữu thường”, “lạc”, đây lại là hiển bày “thể” của Niết-bàn thời xưa. Đây tức là “có”, “không” kết hợp chung làm Niết-bàn.

Lại, Khai Thiện nói:” Nghĩa đến mất càng tồn tại, nghĩa càng tồn tại là “có”, đến mất là “không”, cũng là “có”, “không” hợp chung.”

Đáp rằng v.v... trở xuống, là bốn bài kệ thứ hai, tức bốn:

1/ Bác bỏ giải thoát.

2/ Phá “hữu”, “thọ”

3/ Phá hữu vi

4/ Phá trái nhau.

Nửa trên của kệ đầu, là nhắc lại.

Nửa kệ dưới, là phá. Ý phá rằng:” Lúc ràng buộc, không có giải thoát, lúc không có ràng buộc, cũng có khi chẳng có cái “không”, không có khi nào “không”, lẽ ra chẳng nên “có”, “không” hợp chung mà thành Niết-bàn.

Lại, kinh chép rằng:” Niết-bàn gọi là giải thoát, tức thoát khỏi “có”, “không”, làm sao gọi “có”, “không” là giải thoát? Đây chính là lấy ràng buộc làm giải thoát.

Lại nữa, nếu lấy “có”, “không” làm giải thoát, thì lẽ ra cũng giải thoát “có”, “không” làm ràng buộc.

Lại, Niết-bàn là tên khác của giải thoát, mà giải thoát chính là không có hệ lụy, chẳng phải là nghĩa “có”, “không”, không nên cho giải thoát là “không”.

Nửa trên của bài kệ thứ hai, là nhắc lại nửa kệ dưới là phá về ý phá đồng với trước.

Nửa kệ trên của kệ thứ ba, là nhắc lại để bác bỏ chung.

Nửa kệ dưới, chính là tạo ra hữu vi để phá:

“Ông thọ nhận “có”, “không” của có “sở đắc này”, tức đều là pháp hữu vi, không tránh khỏi sinh, già chết.

Lại nữa, “có”, “không” này đều là hệ lụy, há không phải hữu vi? Lại, nhân hữu vi, có vô vi. Vô vi kia đã có nhân, thì là hữu vi như Trăm luận chép:” Vì ông có nhân nên nói là thường, hay không có nhân mà nói là thường ư? Nếu có nhân thì vô thường, nếu không có nhân thì nói là thường, cũng có thể nói là vô thường.

Nửa trên của bài kệ thứ tư, là nhắc lại để bác bỏ.

Nửa kệ dưới, là phá.

“Có”, “không” hại nhau, đều không có hai pháp tự phá Niết-bàn, lấy gì để kết hợp chung làm Niết-bàn ư?

Câu dưới, là nói ánh sáng, bóng tối trái nhau. Luận Thành Thật nói:” sáng, tối cùng ở một chỗ lá nghĩa của người An-Đà-Hội.

* Hỏi rằng v.v... trở xuống, là phần thứ ba, phá chẳng phải có, chẳng phải không là Niết-bàn, trước hỏi, tiếp theo, là đáp:

Phần hỏi có hai:

1/ Lãnh thọ trước.

2/ Lập sau.

Đây là sự trung giả v.v... dùng chẳng phải có, chẳng phải không làm Niết-bàn, cũng là lập Niết-bàn ngoài hai đế, gọi chẳng phải có chẳng phải không lại là thể của pháp giới “chẳng phải có”, “không” của Sư Địa Luận.

Và, Nhiếp Luận Sư nói vô trụ Niết-bàn, có hai cách giải thích, đều là chẳng phải “có”, “không”.

Đáp rằng:” v.v ... trở xuống, là hai kệ được chia làm hai:

Kệ đầu, trách phân biệt, để phá.

Kệ thứ hai, là nhận lấy ý để phá.

Nửa trên của kệ đầu; là nhắc lại.

Nửa kệ dưới, là trách nói phần thứ tư, chẳng phải có, chẳng phải không là luận ngu si, như người ngu ở đời không biết phân biệt xấu, tốt, thiện, ác, nên nói rằng:” Lấy gì mà phân biệt?”

Sư Đàm Ảnh nói:” Lời nói:” Song phi” này, đối với mắt, thì có thừa; còn thì không đủ; vì sao? Vì hễ tâm có thể tạo, thì không ngoài hai thứ này, ngoài hai thứ này, thì “không có tâm để yên định. Không có tâm để yên định, thì nên bài trừ, mà còn nói “có”, cuối cùng là vật gì? Nên nói rằng:” Lấy gì mà phân biệt?”

Nay, dựa vào ý giải thích của Văn xuôi:” Đây là trách lí do chẳng phải có, “không” để phá chẳng phải có, “không”.

Hai kệ được chia làm bốn:

Nửa kệ đầu, là nhắc lại.

Nửa kệ, kể là trách.

Nửa kệ, kể là nói chung.

Nửa kệ, sau là phá.

Nửa kệ đầu, là nhắc lại, dễ hiểu. Tiếp theo, là trách cứ: Nghĩa là nêu xa hai quan hệ:

Nếu nhân “có”, “không”, mà phân biệt, nghĩa là đã phá “có”, “không” rồi không được nhân chúng nữa.

Nếu nhân dứt bốn quan điểm, nghĩa là dứt bốn quan điểm không đáng làm nhân. Đã không được nhân hai thứ này, thì làm sao phân biệt được “chẳng phải có”, “không” ư?

Nửa trên của kệ thứ hai, là nhắc lại cái chung của người ngoài.

Hửa kệ dưới, chính là phá chung. Ý phá rằng:” Vì nhân “có”, “không” trước kia, nên có “chẳng phải có”, “chẳng phải không có”. Đây, tức là phân biệt chẳng phải có, “không” vì sao nói không thể phân biệt là luận ngu si ư?”

Nửa kệ dưới, dùng ba câu trước để phá, nghĩa là nếu có cái “có”, “không” để làm nhân, có thể phân biệt được “chẳng phải có”, “không”. Rốt ráo không “có”, “không” có thể nhân; thì làm sao được phân biệt chẳng phải có, chẳng phải không ư?

Luận Trí Độ quyển sáu mươi lăm, giải thích phẩm Vô Tác, đã dùng hai nghĩa để bác bỏ chẳng phải có, chẳng phải không:

1) Dùng ba quan điểm trước để bác bỏ, đồng với kệ thứ hai.

2) Dùng môn thật tướng để phá, vì thật tướng dứt bật bốn quan điểm, nên chẳng có “phi hữu”, “phi vô”.

Nay, luận rằng:” Niết-bàn dứt bật bốn quan điểm tức là thật tướng. Nay, hỏi chung ông:

“Vì lấy chẳng phải có, “không” để làm công dụng của thuốc hay vì đạo lý có phi hữu vô này ư? Nếu dùng làm công dụng của thuốc, thì khi bệnh hết, thuốc cũng bỏ, nếu đạo lý có phi hữu vô, thì ta cũng dùng đạo lý có “có”, “không”. Nếu nói tìm “có”, “không” không thể được, thì ta cũng tìm chẳng phải có “không” không thể được!

Lại, sở dĩ có bốn quan điểm là vì Niết-bàn dứt bật bốn quan điểm (tứ cú). Bốn quan điểm là biểu trưng cho cửa Niết-bàn, thì làm sao dùng cửa để làm Niết-bàn ư? “

Luận sư Tăng Triệu dùng luận Niết-bàn để phá “phi hữu”, “phi vô” rằng:” Nếu “có” “phi hữu”, vô này thì thuộc về nhập cái “có”; nếu “không” “phi hữu” vô này, thì thuộc về nhập cái “không”, cho nên, chỉ thấy “có”, “không”, chẳng có hai” phi”.”

“Như lai diệt độ ... trở xuống, là phần thứ hai, căn cứ môn “người” để phá Niết-bàn:

Dùng “người”, chủ thể chứng, để hiển bày pháp, sở chứng. “người”, chủ thể chứng đã không phải bốn quan điểm, thì nghĩa của pháp, sở chứng cũng đồng như vậy.

Lại, Luận Thành Thật chép rằng:” Như lai ở đời còn chẳng phải “có”, “không”, huống chi đã diệt độ? Tiểu thừa còn biết Như lai chẳng phải là “có”, “không”, huống chi người học Đại thừa lại nói Phật ở bốn quan điểm?”

Hỏi:” Vì sao dùng Như lai để chứng minh Niết-bàn?”

Đáp: “Phẩm Như lai đã hiển bày Như lai không phải bốn quan điểm rồi, chính vì lý do đó, nên đem “người” đã sáng tỏ để chứng minh cho “pháp” chưa tỏ rõ.”

Hỏi:” Vì sao chỉ nói Như lai không ở bốn quan điểm trong hai đời?”

Đáp: “Vì quá khứ, hiện tại đã khởi, cho nên nói; vị lai chưa khởi, nên không nói.”

Hỏi:”Nếu vậy, thì vị lai chưa khởi, sẽ không có các kiến?”

Đáp: “Vì hiện tại nói vị lai, nên kiến ở vị lai.”

Hỏi:” Nếu vậy, hiện tại nói vị lai, thì lẽ ra nói Như lai của vị lai?”

Đáp: “Nay, luận về Thích ca, chính là nói hai đời; vị lai là Di-lặc-cho nên không nói đến vị Phật ở vị lai. Phật Hiện tại, nói lý lẽ bốn quan điểm; sau Phật diệt độ, người người bầm thọ giáo lại chấp bốn quan điểm. Vì thế vị lai chưa có “người”, “pháp”, nên không nói, cũng có thể tồn tại lý do đơn giản khác.

“Niết-bàn và thế gian ... trở xuống, trên đây, là chương thứ nhất, đã chính là phá tà Niết-bàn. Nay, chương thứ hai, tiếp theo, sẽ biện luận về sinh tử.

Người có đối tượng chứng đắc trong, ngoài Đại, Tiểu thừa, nghe nói Niết-bàn cao vời, vượt ngoài “trăm phi”, cho là sinh, tử tồn tại trong bốn quan điểm. Cho nên, nay sẽ nói: chỉ sinh tử tức là Niết-bàn, như thế, mới biết được sinh tử.

Lại, sở dĩ có chương này, là vì lẽ trên đây, đã phá tà Niết-bàn. Nay, sẽ chỉ bày chánh Niết-bàn. Người ngoài nói:” “Pháp”, sở chứng, “người”, năng chứng, đều không phải bốn quan điểm, nay sẽ dùng cái gì để làm Niết-bàn?” Cho nên, nay sẽ chỉ bày tóm tắt về tướng Niết-bàn:

Vì muốn biết được Niết-bàn, tức sinh tử, nên chương này chỉ bày chánh Niết-bàn.

Hỏi:” Văn này là nói sinh tử, Niết-bàn không hai, sao lại gọi chỉ bày chánh Niết-bàn?”

Đáp: “Vì so sánh với phẩm Như lai thì sẽ biết. Phẩm Như lai trước

phá tà Như lai; sau, chỉ bày chánh Như lai, nên nói:” Tánh sở hữu của Như lai, tức là tánh thế gian. Nay, ở đây cũng vậy, trước phá tà Niết-bàn, nay, chỉ bày chánh Niết-bàn. Tánh sở hữu của chánh Niết-bàn, tức là tánh thế gian, gọi là chánh Niết-bàn. Chương Diệu tồn của luận sư Tăng Triệu cũng đồng ý với ý này.”

Vả lại, thấy sinh tử, Niết-bàn là hai, thì đó là sinh tử; thấu đạt không hai, gọi là Niết-bàn, nên kinh Niết-bàn nói:” Người trí liễu đạt, tức là không hai, tánh không hai tức là thật tánh.”

Lại sở dĩ có văn này là vì đôi khi nói “người”, “pháp” của xuất thế gian trên đã dứt bốn quan điểm, rồi nói là “người”, “pháp” của thế gian ở nơi bốn quan điểm. Nếu như vậy thì lại hai chấp kiến thế gian, xuất thế gian. Nếu là hai kiến, thì sẽ thành sinh tử. Vì thế, nên nay mới nói:

“Không phải chỉ “người”, “pháp” xuất thế là dứt với bốn quan điểm, mà ngay cả “người”, “pháp” của thế gian cũng dứt bốn quan điểm. Ngộ được như thế tức là Niết-bàn chẳng?”

Căn cứ văn, chia làm hai:

- 1) Nói thế gian, và Niết-bàn là bình đẳng.
- 2) Nói Niết-bàn bình đẳng với các kiến.

- Phần đầu, lại chia làm hai:

- 1) Kế trước nói thế gian, Niết-bàn bình đẳng
- 2) Nói hai bờ mé bình đẳng.

Sở dĩ thế gian và Niết-bàn không hai, là vì từ phẩm Nhân Duyên đến phẩm Thành Hoại, đã tìm bốn quan điểm của thế gian mà không thể được. Từ phẩm Như lai, đến phẩm Niết-bàn, tìm kiếm bốn quan điểm của pháp xuất thế gian không thể được. Thế và xuất thế đã đồng dứt bốn quan điểm, cho nên thế gian và xuất thế gian không hai. Đã biết không hai, thì phải biết hai. Ngộ hai không hai, gọi là Bát nhã phương tiện. Hiểu rõ không hai mà hai, gọi là phương tiện Bát nhã. Pháp Hoa nói: “Tri kiến của Chư Phật có bốn trí.

Liễu sinh tử, Niết-bàn là hai mà không hai, nói là Như lai trí. Thế ngộ không hai mà hai, gọi là trí Phật. Hai trí này nhậm vận hiện ở trước, nghĩa là tự nhiên trí không có công dụng. Ba trí này không từ thấy được, gọi là trí vô sư. Bốn trí này chính là trí kiến của Chư Phật. Vì muốn mở bày cho chúng sinh đều được ngộ nhập bốn trí kiến này, nên Phật xuất hiện ở thế gian.”

Hỏi: “Y cứ vào đâu để luận về hai không hai?”

Đáp: “Đối với Đạo, chưa từng hai; đối với duyên, chưa từng một.

Đối với Đạo, chưa từng hai: sinh tử mà thường Niết-bàn; đối với duyên chưa từng một: Niết-bàn mà thường sinh tử.

Kệ tiếp theo, nói hai mé để không hai, nghĩa là kệ trước ở lời nói vẫn còn xa, chương này luận gần không hai, nên nói hai mé không có riêng khác.

Người khác nói: “Từ địa ngục Vô gián lên đến tâm Kim cương của Đại thừa là giai đoạn vô thường hành khổ, tâm Kim Cương sau là phần vị thường lạc, nên nói rằng hai mé thường khác nhau, nay dứt hai chấp này nên nói là không hai. Lại, vì đối với nhà thể khác của chân tục, kinh nói: ““sắc” tức là “không”; “không” tức là “sắc”, mà hai thể thường khác, tức là hai thể thường riêng, chỉ vì không lìa nhau, nên gọi là “tức”.

Vì thế, nên nay nói: hai mà không hai, thì hai thể không khác nhau.

